

**DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÓNG HỌC PHÍ TRỄ HẠN TRONG HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026**  
(Từ tháng 29/12/2025 đến tháng 26/4/2026)

STT	MSNCS	Họ	Ngành	Khóa	Đợt	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo theo QĐ công nhận	Học phí trễ hạn
1	P1120002	Huỳnh Thị Phương Thảo	Công nghệ thực phẩm	2020	1	3 năm, tập trung	10/2020 đến 10/2023	7,450,000
2	P0220002	Lê Lý Vũ Vi	Khoa học cây trồng	2020	1	3 năm, tập trung	10/2020 đến 10/2023	7,450,000
3	P1020003	Trần Duy Khang	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2020	2	3 năm, tập trung	12/2020 đến 12/2023	7,450,000
4	P1820001	Trần Vĩnh Phúc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2020	2	3 năm, tập trung	12/2020 đến 12/2023	7,450,000
5	P0220003	Trần Ngọc Hữu	Khoa học cây trồng	2020	2	3 năm, tập trung	12/2020 đến 12/2023	7,450,000
6	P0120001	Nguyễn Ngọc Mộng Kha	Khoa học đất	2020	2	3 năm, tập trung	12/2020 đến 12/2023	7,450,000
7	P0120002	Châu Thị Nhiên	Khoa học đất	2020	2	3 năm, tập trung	12/2020 đến 12/2023	7,450,000
8	P1220001	Hà Tấn Linh	Phát triển nông thôn	2020	2	3 năm, tập trung	12/2020 đến 12/2023	7,450,000
9	P1920001	Trương Thị Bạch Yến	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2020	2	3 năm, tập trung	12/2020 đến 12/2023	7,450,000
10	P1021001	Đặng Thị Mỹ Tú	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
11	P0921001	Lê Hà Phương	Công nghệ sinh học	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
12	P1121001	Nguyễn Cẩm Hường	Công nghệ thực phẩm	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
13	P1121002	Trần Minh Phúc	Công nghệ thực phẩm	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
14	P1621001	Nguyễn Xuân Hà Giang	Hệ thống thông tin	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
15	P0821001	Thái Đăng Khoa	Kinh tế nông nghiệp	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
16	P1821002	Huỳnh Việt Hùng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
17	P1821003	Nguyễn Phúc Trường	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
18	P0621001	Lê Minh Khôi	Nuôi trồng thủy sản	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
19	P0621002	Lê Văn Thông	Nuôi trồng thủy sản	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
20	P1421001	Tô Thành Dương	Quản lý đất đai	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
21	P1321001	Trần Ngọc Gái	Quản trị kinh doanh	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
22	P1321003	Đoàn Tấn Sang	Quản trị kinh doanh	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
23	P1321004	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Quản trị kinh doanh	2021	1	3 năm, tập trung	11/11/2021 - 11/11/2024	7,450,000
24	P1021003	Trần Thị Anh Đào	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
25	P1021004	Võ Tuấn Khải Huyền	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
26	P0921002	Nguyễn Thành Dũng	Công nghệ sinh học	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
27	P1121003	Lê Thị Mỹ Hạnh	Công nghệ thực phẩm	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
28	P1121004	Huê Quốc Hòa	Công nghệ thực phẩm	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
29	P1121005	Nguyễn Thị Thảo Loan	Công nghệ thực phẩm	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
30	P1121006	Hồ Quốc Việt	Công nghệ thực phẩm	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
31	P0421001	Đoàn Trí Dũng	Chăn nuôi	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
32	P1721001	Nguyễn Duy Tuấn	Hóa hữu cơ	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
33	P0821002	Trần Thế Như Hiệp	Kinh tế nông nghiệp	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
34	P1821004	Phan Trọng Nghĩa	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
35	P1821005	Nguyễn Thái Sơn	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
36	P0221002	Huỳnh Như Điền	Khoa học cây trồng	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
37	P0221003	Nguyễn Thái Thúy Duy	Khoa học cây trồng	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
38	P0621003	Bùi Thị Diễm My	Nuôi trồng thủy sản	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
39	P1221002	Lê Thành Phiêu	Phát triển nông thôn	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
40	P1221003	Cù Ngọc Thắng	Phát triển nông thôn	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
41	P1921001	Ngô Văn Chinh	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000
42	P0521001	Hà Ngọc Bằng	Vi sinh vật học	2021	2	3 năm, tập trung	28/12/2021 - 28/12/2024	7,450,000

STT	MSNCS	Họ	Ngành	Khóa	Đợt	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo theo QĐ công nhận	Học phí trễ hạn
43	P0922001	Võ Tấn Khang	Công nghệ sinh học	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
44	P0922002	Nguyễn Ngọc Trang Thùy	Công nghệ sinh học	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
45	P1622001	Lương Hoàng Hương	Hệ thống thông tin	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
46	P1622002	Võ Tuyết Ngân	Hệ thống thông tin	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
47	P1622003	Nguyễn Võ Thông Thái	Hệ thống thông tin	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
48	P1722001	Nguyễn Thị Như Ý	Hóa hữu cơ	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
49	P1822001	Trần Lê Trung Chánh	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
50	P1822002	Lâm Minh Dũng	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
51	P1822003	Trần Minh Nhật	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
52	P1822004	Nguyễn Vạn Quốc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
53	P0222002	Phạm Vũ Khương Duy	Khoa học cây trồng	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
54	P0222003	Phạm Văn Trọng Tính	Khoa học cây trồng	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
55	P2022002	Huỳnh Thanh Bình	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
56	P2022003	Nguyễn Thị Niê Hoa	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
57	P2022004	Huỳnh Hồng Huyền	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
58	P2022005	Đào Phong Lâm	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
59	P2022006	Võ Thị Diễm My	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
60	P2022007	Lý Thị Trà My	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
61	P2022008	Nguyễn Thị Bích Nhi	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
62	P2022009	Lý Thị Bích Phượng	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
63	P2022010	Đặng Anh Phương	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
64	P2022011	Lê Minh Thư	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
65	P2022012	Tất Thiên Thư	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
66	P2022013	Lê Công Tuấn	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
67	P2022014	Đình Cao Tường	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
68	P2022015	Cao Hoàng Yến	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	1	3 năm, tập trung	09/09/2022 - 09/09/2025	7,450,000
69	P0722001	Nguyễn Thị Bạch Kim	Môi trường đất và nước	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
70	P0722002	Nguyễn Xuân Lan	Môi trường đất và nước	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
71	P0722003	Nguyễn Trường Thành	Môi trường đất và nước	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
72	P0622001	Nguyễn Kim Kha	Nuôi trồng thủy sản	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
73	P0622002	Trần Thị Yên	Nuôi trồng thủy sản	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
74	P1222001	Phạm Anh Du	Phát triển nông thôn	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
75	P1222002	Nguyễn Văn Mỹ	Phát triển nông thôn	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
76	P1222003	Quách Kim Phượng	Phát triển nông thôn	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
77	P1422001	Phạm Hoài Nhân	Quản lý đất đai	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
78	P1322003	Nguyễn Văn Tài	Quản trị kinh doanh	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
79	P1522002	Nguyễn Phước Tài	Tài chính - Ngân hàng	2022	1	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
80	P0322003	Lâm Phước Thành	Bảo vệ thực vật	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
81	P1022001	Nguyễn Thị Liễu Kiều	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
82	P1022002	Lê Thị Bích Thủy	Bệnh lý học và chữa bệnh vật nuôi	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
83	P0922003	Trần Gia Huy	Công nghệ sinh học	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
84	P0922004	Phan Ngọc Thùy Ngân	Công nghệ sinh học	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
85	P1122002	Nguyễn Vinh Hiền	Công nghệ thực phẩm	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
86	P1122003	Nguyễn Công Kha	Công nghệ thực phẩm	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
87	P1622005	Hà Lê Ngọc Dung	Hệ thống thông tin	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000

STT	MSNCS	Họ	Ngành	Khóa	Đợt	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo theo QĐ công nhận	Học phí trễ hạn
88	P1622006	Võ Văn Quyền	Hệ thống thông tin	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
89	P1722002	Tạ Thanh Hồng	Hóa hữu cơ	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
90	P1722003	Trần Ni Kha	Hóa hữu cơ	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
91	P1722004	Lâm Đức Ninh	Hóa hữu cơ	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
92	P0822001	Bùi Lê Thái Hạnh	Kinh tế nông nghiệp	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
93	P0222005	Trịnh Xuân Việt	Khoa học cây trồng	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
94	P0722004	Nguyễn Hồng Thảo Ly	Môi trường đất và nước	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
95	P0622005	Âu Văn Hóa	Nuôi trồng thủy sản	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
96	P1322005	Huỳnh Phan Trung Trực	Quản trị kinh doanh	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
97	P1522003	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Tài chính - Ngân hàng	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
98	P1522004	Phạm Ngọc Vĩnh	Tài chính - Ngân hàng	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000
99	P0522001	Ngô Thanh Phong	Vi sinh vật học	2022	2	3 năm, tập trung	25/11/2022 - 25/11/2025	7,450,000

**737,550,000**